

BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 1- HỌC KỲ 2

[illegible]

[illegible]

BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 3- HỌC KỲ 2

[illegible]

[illegible]

BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 4- HỌC KỲ 2

[illegible]

[illegible]

BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 5- HỌC KỲ 2

[illegible]

[illegible]

PHỤ LỤC 1.1. (ĐIỀU CHỈNH) PHÂN PHỐI THỜI LƯỢNG CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Lớp 1,2,3,4,5

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII
1. Môn học bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	TNXH	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
5	Lịch sử - Địa lí										70	36	34	70	36	34
6	Khoa học										70	36	34	70	36	34
7	Giáo dục thể chất	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
8	Nghệ thuật (ÂN, MT)	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
9	Tiếng Anh							140	72	68	140	72	68	140	72	68
10	Tin học và Công nghệ							70	36	34	70	36	34	70	36	34
11	Hoạt động trải nghiệm	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
2. Môn học tự chọn																
12	Tiếng Anh (Tự chọn)	52	18	34	70	36	34									
13	Tin học	17	0	17	35	18	17									
3. Hoạt động ngoài giờ chính khóa																
14	Tăng cường Tiếng Việt từ tuần 1-21; Giáo dục KNS từ tuần 22-35	28	0	28	28	0	28	28	0	28	28	0	28	28	0	28
15	Tăng cường Toán từ tuần 19-21/HĐ GD ATGT từ tuần 22-35	14	0	14	14	0	14	14	0	14	0	0	0	0	0	0
16	BD nghệ thuật từ tuần 22-35	28	0	28	28	0	28	28	0	28	28	0	28	28	0	28

	HĐ STEM từ tuần 22-35	28	0	28	14	0	14	14	0	14	0	0	0	0	0	0
17	Đọc sách từ tuần 22-35	0	0	0	14	0	14	14	0	14	14	0	14	14	0	14
Tổng		517	198	319	553	234	319	658	288	370	700	324	376	700	324	376